T010 BD 1 (13) 154 Sinh Q2

Đại Tạng Kinh (Linh Sơn Pháp Bảo)

PHẬT NÓI KINH SINH QUYỂN 2

Kinh 12: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Hai Cậu Cháu

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ cùng với chúng đại Tỳ-kheo. Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo: –Thuở vô số kiếp trong quá khứ, có hai chị em, người chị có một người con trai, cùng với người cậu chuyên cung cấp các thứ ăn mặc quý giá đẹp lạ cho vua chúa quan lại như lụa là, gấm vóc. Anh ta thấy những đồ vật quý hiếm lạ lùng trong kho, nên động lòng tham, liền bàn với người cậu: –Chúng ta làm việc luôn siêng năng khó nhọc, không dám trễ nãi, biết rõ các đồ vật trong kho tốt xấu, ít nhiều, sao ta lại không lấy để giải quyết cảnh nghèo đói của chính mình? Như đã định, đêm đến, hắn đào đường hầm chui vào kho trộm lấy nhiều đồ vật không biết bao nhiêu. Sáng ra, người giữ kho thấy đồ vật trong kho giảm bớt, liền đem việc này tâu lên vua. Nhà vua bảo: –Chớ làm lớn chuyện khiến người ngoài biết cậu cháu nhà kia ăn trộm. Cứ làm như vua bận nhiều việc nên không hay biết gì. Đến ngày hôm sau cứ phục sẵn, thế nào hắn cũng trở lại lần nữa. Phải cảnh giác nghiêm nhặt để chờ hắn. Hắn đến là bắt ngay không để chạy mất. Người giữ kho nhận chiếu chỉ, liền gia tăng phòng bị vì thế nào kẻ kia cũng trở lại ăn trộm. Người cháu nói với cậu: –Cậu lớn tuổi, thân thể gầy ốm, nếu bị người giữ kho bắt được, không thể tự thoát nổi, vậy cậu cứ theo đường hầm mà vào, nếu bị họ phát hiện thì sức con còn cường tráng sẽ cứu thoát cậu ngay. Người cậu theo lời vừa chui vào đường hầm thì bị đám canh chừng tóm ngay. Những người này hô hoán lên nhưng không bắt được người cháu. Sợ sáng mai mọi người biết việc này, nên họ chặt đầu người cậu mang về. Sáng sớm, người giữ kho đem mọi việc tâu với vua. Nhà vua lại chỉ thị: –Đem cái thây chết này đặt nơi ngã tư, nếu có ai đến nhận khóc tử thi thì đó chính là tên giặc chủ mưu. Đặt xong tử thi, những người này tản ra bốn ngả đường canh gác nhiều ngày. Lúc đó, từ phía xa có một đoàn buôn đông đảo đi đến, người ngựa, xe cộ ồn ào đầy dẫy nghẽn cả đường, rồi đột nhiên chen nhau chạy tới. Người kia làm ra vẻ náo loạn, cho chở hai xe củi trên đặt cái thây chết kia chạy đi. Đám người canh gác liền vào triều tâu hết với vua mọi điều. Nhà vua bảo: –Phải cẩn trọng dò xét khắp nơi và cẩn mật, nếu gặp chúng thiêu thây thì bắt hết đem về đây.

Lúc ấy, người cháu liền bảo bọn trẻ con cầm đuốc múa giỡn, mọi người cùng náo nhiệt cả lên, ném lửa vào củi, củi cháy bừng bừng. Những người theo dõi thấy vậy chẳng biết phải làm sao, cùng đem sự việc tâu lên vua. Nhà vua lại chỉ thị: –Nếu đã hỏa táng rồi thì phải tăng cường canh giữ, dò xét nghiêm mật cái hài cốt kia, kẻ đến lấy cái hài cốt ấy chính là tên cầm đầu vụ trộm. Người cháu biết được việc này, bèn làm thật nhiều rượu ngon rồi sai người hiền lành mang rượu thẳng đến chỗ những người canh giữ rao bán. Bọn canh giữ nhiều đêm liền đói khát, thấy rượu đến đều mua uống, uống rượu quá nhiều nên say ngủ mê man như bị nhốt trong bình rượu. Người bán rượu bèn nhặt lấy hài cốt mà đi. Đám người canh giữ chẳng hay biết gì cả. Thức dậy, họ lại vào tâu rõ

với vua sự việc. Nhà vua lại bảo: –Trước, sau cảnh giác, canh giữ đều để hắn sổng mất, tên giặc này rất xảo quyệt, phải dùng mưu mới tóm được hắn. Nhà vua liền cho người con gái trang sức nào ngọc ngà, chuỗi anh lạc, châu báu, thật đẹp đi ra ở trong ngôi nhà bên bờ sông lớn, rồi sai rất nhiều thị vệ canh chừng, dò xét không ngớt, tức là dùng sắc đẹp để nhử hắn tìm đến nơi chỗ người con gái này. Nhà vua chỉ dạy rõ cho người con gái nếu gặp kẻ nghịch thì tìm cách tóm lấy và hô hoán lên cho mọi người bắt giữ. Vào đêm nọ, người cháu lén tìm tới. Nhờ vào dòng nước, hắn thả bè, cho thuận dòng trôi xuống, kêu to lên rồi lặn mất. Các người canh giữ nghe tiếng kêu, sợ hãi đi đến xem cho là có người lạ, nhưng họ chỉ thấy bè cây. Nhiều đêm như vậy, thường thường không đổi, những người canh giữ cho là việc bình thường nên ngủ yên không lo sợ gì. Người cháu liền cỡi bè đến nhà người con gái… Người con gái liền nắm áo của y. Người cháu bảo: –Níu áo làm chi, nắm tay ta đây này! Người cháu vốn sáng trí lắm mưu nên đã mang sẵn cánh tay của người chết, bèn trao cho đứa con gái, cô ta liền bỏ áo chụp lấy cánh tay chết, rồi kêu ầm lên. Những người canh giữ thức dậy chậm, nên người cháu thoát chạy mất. Những người này lại tâu rõ sự việc với nhà vua. Nhà vua lại nói: –Tài nghệ của tên này thật có một không hai, nên lâu rồi mà chưa bắt được. Đang lúc chưa biết tính sao, thì người con gái ấy mang thai, sau mười tháng sinh được một đứa con trai, trông rất bụ bẫm, kháu khỉnh. Nhà vua bảo người nhũ mẫu bồng nó đi khắp trong nước, nếu có người nào thấy mà gọi nó thì bắt trói đem về đây. Bà nhũ mẫu bồng đứa bé đi cả ngày mà không có ai gọi cả. Người cháu lúc bấy giờ là thợ làm bánh. Đứa bé đói khóc, bà nhũ mẫu bồng sang lò bánh mua bánh cho ăn. Người cháu thấy đứa trẻ liền lấy bánh cho, nhân đó mà gọi nó. Bà nhũ mẫu trở về tâu với vua: –Ẵm đứa bé đi trọn ngày không ai đến gần, nó đói, đi ngang qua lò bánh, thì người bán bánh đến trao cho bánh và gọi nó. Nhà vua nói: –Sao không bắt trói đem về đây? Bà nhũ mẫu đáp: –Trẻ nhỏ đói khóc, người làm bánh cho bánh, nhân đó mà gọi nó, chẳng có ý làm giặc, cớ gì bắt tù người ta được. Nhà vua bảo bà nhũ mẫu đem đứa bé ra và sai người hầu bám theo dò xét, nếu thấy ai đến gần đứa bé thì liền bắt trói đem về. Người cháu làm rượu ngon, gọi mời bà nhũ mẫu và những người ngầm theo dõi tựu về quán rượu, cho uống đến say mềm, rồi bắt trộm đứa bé đem đi. Những người này khi tỉnh

dậy thấy mất đứa bé, chỉ còn biết về tâu rõ với vua. Nhà vua lại nói: –Các ngươi ngu đần, đều ham uống rượu, đã không bắt được kẻ giặc mà còn làm mất đứa bé. Người cháu khi được đứa bé liền mang sang nước khác, xin yết kiến vị quốc vương nước này. Trong khi nói năng, bàn luận với vua, ông luôn luôn từ tốn và dẫn giải theo kinh điển khiến nhà vua rất vui mừng, liền phong ban cho ông địa vị, bổng lộc, cử làm đến đại thần, nhận xét, bảo: –Trong nước của ta, về trí tuệ và tài năng thì không ai sánh kịp khanh, nay ta muốn gả con gái ta cho khanh, ý riêng của khanh thế nào? Ông tâu rằng: –Thần chẳng dám! Nếu bệ hạ thật lòng thương thần thì ngài cưới con gái của vua nước thần cho thần. Nhà vua đáp: –Lành thay! Ta chuẩn theo sở nguyện của khanh. Nhà vua liền nhận ông ta làm con và sai sứ đến hỏi con gái vị vua kia cho ông. Vị vua ấy bằng lòng gả con gái cho, nhưng lại nghĩ: “Hắn liên tục là kẻ trộm, trước sau rất xảo trá.” Vua bảo cho sứ giả hay là muốn rước con gái mình thì thái tử phải có đủ năm trăm xe ngựa chỉnh tề. Nhà vua liền ra lệnh mau chóng chuẩn bị đầy đủ xe ngựa để đi ra ngoài.

Người cháu vốn là một tên giặc nên đối với vua có lòng lo sợ, tự nghĩ: “Nếu đến nước kia, vua biết được thì sẽ bắt liền, chẳng chút nghi ngại!” Bèn nói với sứ giả về tâu lại với vua bên ấy: –Nếu nhà vua cho người ngựa của năm trăm xe đầy đủ, quần áo, yên cương thảy đều giống nhau không chút sai khác thì mới có thể nghinh hôn. Nhà vua bằng lòng sự đòi hỏi đó, liền cho sang rước dâu. Vua cha cô dâu lệnh cho con gái mình tiếp đãi ăn uống thật vui vẻ, hai trăm năm mươi xe ngựa ở phía trước, hai trăm năm chục xe ở phía sau, người cháu ở giữa, nhưng chàng rể vẫn ngồi trên lưng ngựa, không xuống giữa năm trăm chiếc xe. Phụ vương cô gái phải tự ra xem xét rồi đi vào giữa đoàn xe, đích thân dẫn người cháu ra và nói: –Ngươi đã bày ra mưu mô trước sau, đủ cách thì làm sao bắt được. Người cháu cúi đầu thưa: –Có thật như thế sao? Nhà vua nói: –Cái thông tuệ của nhà ngươi thật là thiên hạ vô song, ta thuận theo sở nguyện của ngươi. Nhà vua đem con gái gả cho và họ đã trở nên vợ chồng. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: –Người cháu lúc đó là tiền thân của Ta, phụ vương của người con gái là Xá-lợi-phất bây giờ, người cậu nay là Điều-đạt. Vị quốc vương nhận làm cha người cháu nay là Du-đầu-đàn, mẹ của người cháu là thân mẫu Ma-da, người vợ nay là Cù-di, đứa trẻ là La-vân… Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 13: Đức Phật Thuyết Kinh Nhàn Cư

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-lưu, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị. Phật và Thánh chúng vừa đến nơi xóm làng ở trong thành thì tự nhiên ở đấy vang lên âm thanh tốt đẹp. Đức Phật liền đi vào trong ấy. Bấy giờ, nơi xóm làng đó, có ông Phạm chí trưởng giả cùng với vô số dân chúng thảy đều nghe rõ như thế này: “Có Đấng chí nguyện lớn lao, tịch tĩnh, họ là Cù-đàm, thuộc dòng Thích-ca nổi tiếng, đã ra khỏi nước, đang đi đến xóm làng trong thành cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Đức Phật đại thánh này tiếng tăm vang lừng khắp mười phương, không ai là không ca ngợi, tán dương. Những kẻ nghi ngờ thì co lại, nơm nớp sợ hãi, còn mọi người thì ai mà chẳng mừng rỡ, kính ngưỡng. Tôn hiệu của Ngài là Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, Hiệu Phật Thế Tôn, luôn đem lòng thương xót đối với chư Ma, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, cả trên trời lẫn nhân gian, khai hóa loài trời, người. Ngài chứng sáu thứ thần thông, riêng mình qua lại tự tại trong ba cõi, thuyết pháp nói kinh, lời giảng dạy trước sau như một, luôn thể hiện điều tốt đẹp dẫn dắt về nẻo thiện, phân tích nghĩa lý vi diệu để thấy được chân lý, tịnh tu phạm hạnh. Lành thay! Phước đức biết bao! Nếu được gần gũi hầu hạ Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ấy, nếu như thành kính thọ trì đạo pháp của Ngài thì công đức thật là vô lượng.” Lúc ấy, ông trưởng giả Phạm chí đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi sang một bên. Từ chỗ ngồi hướng về Đức Như Lai, ông trưởng giả khiêm cung chắp tay thỉnh lời vấn an Đức Phật. Đức Thế Tôn bảo ông trưởng giả Phạm chí: –Giả sử có người đến hỏi ngươi: Loại Sa-môn nào thì không nên phụng sự cúng dường? Ông đáp: –Con không được rõ, cúi xin Đức Phật chỉ dạy cho! Đức Phật nói: –Đó là loại Sa-môn, Phạm

chí mắt còn tham đắm sắc đẹp, tai còn mê tiếng hay của năm ấm, mũi còn ưa hương thơm, miệng còn ham vị ngon, thân thích va chạm trơn láng mịn màng, tâm ý chạy theo các pháp, chẳng dứt bỏ dục vọng, tham lam ganh ghét, vướng buộc vào nẻo ái ân, chỉ cầu không biết chán, luôn luôn bị lửa dục nung nấu trong sự thống khổ. Với những Sa-môn, Phạm chí như thế thì không nên tôn kính, phụng sự cúng dường. Ông trưởng giả thưa với Phật: –Nếu có người đến hỏi như trên, con phải đáp lại như thế thì mới ứng hợp nghĩa lý tốt đẹp cùng nẻo hành hóa của giáo pháp. Tại sao vậy? Là vì chúng con còn tham vướng các pháp: Sắc, thanh, hương, vị và xúc, còn say đắm ái ân, tham cầu không biết chán và các thứ khác nữa, còn bị mê hoặc theo năm ấm, sáu trần, chạy theo quan tước, bổng lộc, của cải, giàu sang, không biết mệt mỏi. Như thế thì hàng Sa-môn, Phạm chí theo như Đức Thế Tôn dạy, khác gì người thế tục như chúng con, vì vậy chẳng nên phụng sự cúng dường những hạng người ấy. Đức Phật bảo ông trưởng giả: –Giả sử có người đến hỏi ông phải nên tôn trọng, phụng sự, cúng dường cho những vị Sa-môn, Phạm chí nào, thì ông sẽ trả lời ra sao? Phạm chí bạch Thế Tôn: –Cúng dường cho những vị đã không còn tham vướng năm ấm, sáu trần, tham dâm, giận dữ, ngu si, không bị nhiễm tập theo vọng niệm về sắc, thanh, hương, vị và cảm giác êm ái. Họ còn tích chứa các đức, luôn thể hiện sự ôn hòa, nhã thuận. Đấy chính là các bậc Phạm

chí, Sa-môn phải nên cúng dường phụng sự. Đức Phật nói với ông Phạm chí trưởng giả: –Các ông vì sao nói những lời ấy? Căn cứ vào đâu mà biết được các vị Sa-môn, Phạm chí đã lìa bỏ được các sự tham dâm, giận dữ, ngu si và chỉ dạy cho mọi người cũng lìa bỏ được sự tham đắm về sắc, thanh, hương, vị và các cảm giác êm ái, dứt được lửa phiền não trong lòng và các dục tình không bờ bến? Ông trưởng giả trả lời Đức Phật: –Chúng con thường thấy có một số vị Sa-môn, Phạm chí đoan chánh, tốt lành, họ đã xả bỏ được mọi ham muốn về sắc, thanh, hương, vị và các cảm giác êm ái, họ sống ở nơi chốn thanh vắng, hoặc ngồi bên gốc cây, hoặc ở những khoảng đồng trống, gò nổng, dứt bỏ mọi lỗi lầm xấu xa, lòng không một chút tham cầu, yên ổn tự tại một mình. Họ đã đoạn trừ vĩnh viễn vọng niệm của các pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức, xua diệt các đòi hỏi, giữ lòng rỗng lặng. Chúng con luôn xem xét và nhận biết các vị Sa-môn, Phạm chí này lìa được tham dâm, giận dữ, si mê và cùng chỉ dạy cho mọi người cùng lìa bỏ các vọng niệm về sáu trần. Được lãnh hội về sự dạy bảo như thế, ai cũng lấy làm vui mừng, nên đối với việc say mê ái ân cũng được trừ hết, các thứ mong cầu sắc dục, khi được sáng tỏ rồi thì cũng lìa bỏ luôn, như thế thì sẽ thực hiện được sự hạn chế một cách thích hợp việc cung phụng mọi sở cầu của mình. Đối với năm ấm, sáu tình cũng lại như vậy. Con nhận xét các vị Sa-môn, Phạm chí này sống ở chốn thanh tịnh, vắng lặng, an tọa bên gốc cây, hoặc ở trong quãng đồng rộng gò cao một mình và luôn yên định, đã dứt trừ vĩnh viễn mắt đắm sắc, tai mê tiếng, mũi mê mùi hương, miệng ưa vị ngon, thân thích tiếp xúc êm ái, ý chấp các pháp, luôn tích chứa gốc của các đức, thể hiện sự cung thuận, hòa nhã. Các vị Sa-môn, Phạm chí đã lìa bỏ tham dục, giận dữ, si mê rồi chỉ dạy mọi người cùng xa lìa các thứ trên. Chúng con đã quan sát và so sánh những hiện tượng đó, nên hôm nay chúng con xin quy y Phật, Pháp và Tăng, vâng giữ năm giới, làm người cư sĩ tại gia. Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh

hội.

Kinh 14: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Tôn Giả Xá-lợi-phất Nhập Niết-bàn.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại vườn Trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá. Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất đang ở tại xóm Na-la bị bệnh nặng phải nằm một chỗ, luôn được các vị Hiền giả và các Sa-di trông nom. Khi Hiền giả Xá-lợi-phất vừa nhập Niết- bàn, thì người hầu tên là Chuân-na đã theo đúng pháp thực hiện việc phụng sự cúng dường đầy đủ xong xuôi. Ông mang hết bình bát, y phục của Hiền giả Xá-lợi-phất về đến vườn Trúc ở thành Vương xá thì mặt trời đã xế bóng. Ngay buổi chiều ấy, Sa-di Chuân-na đã mang y bát của Hiền giả Xá-lợi-phất đến chỗ của Tôn giả A-nan, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang bên. Sa- di Chuân-na thưa với Tôn giả: –Thưa Tôn giả, Tôn giả biết không, Hiền giả Xá-lợi-phất đã nhập Niết-bàn rồi! Hôm nay con mang xá-lợi của Hòa thượng cùng y bát về đây. Tôn giả A-nan bảo Chuân-na: –Tiện đây ta với ông cùng đến chỗ Đức Phật, cung kính lễ bái Ngài, hoặc giả nhân đấy được nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp quan trọng.

Sa-di Chuân-na đáp: –Dạ, xin vâng theo lời chỉ dạy của Tôn giả. Thế rồi hai người cùng đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ xong, ngồi sang một bên, chắp tay thưa với Đức Phật: –Thân con như thể suy yếu lắm, chẳng còn có chút khí lực nào, hoàn toàn sa sút, nhu nhược, như thể không còn tu các pháp được nữa. Vì sao như thế? Là vì vừa rồi ông Sa-di Chuân-na đến chỗ con, cúi đầu làm lễ và nói với con rằng: “Tôn giả biết không, Hiền giả Xá-lợi-phất đã nhập diệt rồi. Con gom y bát và xá-lợi của Ngài đem về đây!”. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: –Ý nghĩ của ông và Chuân-na cho là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã dùng các phẩm về Giới, Định, Tuệ, về Giải thoát và Giải thoát tri kiến làm hành trang đã vào cõi diệt độ chăng? Lại nữa, Ta đã thông tỏ pháp ấy, đạt đến bậc Tối Chánh giác, mới phân biệt nói ra các nẻo tu tập: Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý và tám Thánh đạo hành, là chỗ thể hiện sự tin tưởng Đức Phật. Ông nay vừa hay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nhập Niết- bàn mà đã bi lụy than khóc không thể tự kiềm chế được! Khác nào ông đã bạch với Đức Thế Tôn là: “Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chẳng hề mang theo các phẩm về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến mà vào Niết-bàn.” Đức Thế Tôn đã thấu tỏ giáo pháp ấy, chứng được đạo quả Tối chánh giác, phân biệt theo căn cơ mà nói ra và Hiền giả Xá-lợi-phất cũng không mang theo các pháp tu tập như: Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo hành mà vào cõi tịch diệt. Tôn giả A-nan bạch Phật: –Dạ, đúng như thế thưa Đức Thế Tôn! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hết lòng phụng trì giới luật của đạo giải thoát, có biện tài thông suốt, giảng giải đạo pháp không biết chán, khiến cho bốn bộ chúng lãnh hội không hề biết mệt mỏi, bàn bạc không chút lười nhác. Nhờ đó họ khuyến khích hỗ trợ lẫn nhau, khai hóa giúp những người chưa đạt, khiến lòng họ vui vẻ, nên không ai là không vâng theo lời dạy của Hiền giả. Hiền giả luôn tiết chế, biết đủ, chí dốc tinh tấn, tu thiền định, có trí tuệ rộng lớn của bậc Đại thánh. Có ai hỏi điều gì, Hiền giả luôn tùy theo căn cơ mà lựa lời chỉ dạy, thể hiện một sự thấu đạt sâu xa, theo lời hỏi mà đáp lại, khiến tất cả đều thông suốt. Trí tuệ là vật báu, các đức luôn đầy đủ,

Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cao vời như thế, cho nên khi nghe Hiền giả đã vào cõi tịch diệt, con ưu sầu buồn thảm, lòng đầy thương xót không thể tự kiềm chế được. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: –Đã sinh ra trên đời, làm sao còn mãi được. Các pháp do suy niệm nhớ nghĩ duyên khởi mà có, ắt phải quy về sự diệt tận, hủy hoại, vĩnh viễn mất đi. Trước mắt Ta, các pháp đang tan rã, đang mất đi, muốn nó không mất cũng không thể được. Đức Phật lại nói với Tôn giả A-nan: –Phật đã từng nói, tất cả những ân ái đều phải biệt ly, phàm có sinh thì có diệt, sự việc có thành tất có bại, có hợp ắt có tan, tất cả đều phải bị hủy diệt, hư hoại hết, muốn chúng không như thế đâu có được theo ý. Phải biết tất cả các pháp đều hoại diệt, đều quy về vô thường. Các pháp biệt ly, muốn chúng không lìa tan nào đâu có thể được! Đức Phật nói tiếp với Tôn giả A-nan: –Việc Hiền giả Xá-lợi-phất đã về cõi tịch diệt, Phật rất an tâm, không có gì đáng lo nghĩ, bởi vì đã đến lúc biệt ly, tan rã theo nẻo vô thường, thì có muốn nó không đến cũng không làm sao có thể được! Các pháp có khởi là có diệt, sự việc có thành thì có hoại, con người có sinh thì phải có tử, có hưng thạnh ắt phải có suy vong, các pháp phải theo quy luật

vô thường, biệt ly, muốn nó không đến đâu có thể được! Ví như núi báu lớn rồi tới một hôm nào đó đỉnh núi cao cũng bị sụp đổ. Này A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất ở trong chúng Tăng cũng như thế, nay Hiền giả đã nhập diệt, cũng như đỉnh núi báu bị sụp đổ, các pháp đều chịu quy luật vô thường nên phải tan rã, biệt ly, muốn nó không đến đâu có thể được như ý. Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: –Như cây báu lớn, rễ, mầm, thân, nhánh, cành lá hoa trái đầy đủ tươi tốt, rồi bỗng dưng một phần lớn của cây gãy đổ, khiến nó hiện tướng khuyết giảm nhìn không còn uy thế. Này A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất ở trong chúng Tăng cũng thế. Nay Tỳ-kheo đã diệt độ, chúng Tăng cũng giảm uy lực. Các pháp phải theo quy luật vô thường, hao tổn, hủy diệt, muốn nó không đến há có thể được sao! Do đó, này A-nan, từ nay về sau, thân tự tu tập hành hóa, đã dốc quy y đạo pháp, để có được sự chứng đắc thì phải lấy kinh điển làm nơi nương tựa, chớ có nương vào cái gì khác. Này các Tỳ-kheo, các vị cần phải làm những gì? Đối với các vị Tỳ-kheo, phải tự quán tưởng về bản thân: trong ngoài đều là vô ngã, phải tự quan sát để chế ngự cái tâm vọng của mình, quán sát về mọi pháp thế gian đều do vô minh mà có. Quán bên trong và bên ngoài đều luôn thọ nhận sự khổ, đều là phi ngã (vô ngã). Đạt được như thế thì rất tốt! Chế ngự tâm vọng tưởng, nhận thấy các pháp thế gian đều do vô minh mà có. Quán sát nội, ngoại của tâm, trong ngoài đều chẳng có gì cả. Đạt đến được như vậy thì tốt lắm thay! Tự chế ngự tâm vọng, quán sát thế gian không có ánh sáng trí tuệ, quan sát thấy mặt trời, mặt trăng trên cao, cũng quán các pháp bên ngoài, nhưng không dựa bám vào bên trong, bên ngoài. Đạt được chỗ đó thì tốt lắm thay! Chế ngự tâm vọng, quán sát thế gian bị chìm đắm trong vô minh cần được xua trừ... Đức Phật nói với Tôn giả A-nan: –Đó chính là những pháp nên tu tập hành hóa, tự mình tu tập để nương vào nơi cõi pháp, quy mạng với chánh pháp, không đứng ở cõi khác, không nương dựa nơi người khác. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: –Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ đã theo Ta thọ nhận giáo pháp, phải tự tu thân, tự tìm chốn nương tựa, đứng vững nơi cõi pháp, quy về nơi cõi pháp, quy mạng với chánh pháp, không ở cõi khác, không về theo người khác. Các vị Tỳ-kheo xuất gia làm đệ tử của Phật, vâng theo lời dạy này tức là thuận theo đạo pháp của Phật. Đức

Phật thuyết giảng như thế, Tôn giả A-nan, Sa-di Chuân-na cùng các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ nghe kinh, lãnh hội lời dạy rồi lui ra.

Kinh 15: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Người Con Bị Chết.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một người theo ngoại đạo, con trai ông ta vừa mới chết, cha mẹ vì quá yêu thương con không hề muốn nghĩ là nó đã chết, nên cứ nhìn nó mãi không thôi. Tình yêu thương con đó đã làm cho người này phát điên loạn, chạy khắp trong nhà ngoài ngõ, trên các nẻo đường để tìm con, mong con đến gặp mình, con đang ở đâu? Làm sao thấy được hình hài của con? Khi ấy, người này lững thững theo đường lộ ra khỏi thành Xá-vệ đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, rồi tới thẳng chỗ Đức Phật, lặng thinh đứng trước mặt Ngài. Đức Phật hỏi người kia: –Ông đến đây vì cớ gì? Ông phải biết tự chế ngự lòng mình, chứ hiện nay các căn của ngươi đã biến dạng bất thường, trông rất là tiều tụy, gầy yếu! Người kia thưa với Đức Phật: –Ngài hỏi con tại sao các căn của con biến đổi khác thường! Thưa Ngài, tại vì con chỉ có độc nhất một đứa con, cả nhà đều yêu thương hết mực, không ai là không yêu mến, ngắm nhìn nó không hề biết chán mà nay thì nó đã mất rồi. Vì thương yêu con mà con đã phát cuồng si, tâm hồn mê loạn nên chạy đôn đáo tứ tung để tìm cho được nó, cầu mong nó lại gặp con. Nhưng giờ thì con không biết tìm con mình ở đâu. Đức Phật dạy: –Hỡi kẻ kia, vì quá tham đắm nẻo ái ân, nên ly biệt thì âu sầu, khóc lóc bi thương, chính là cái hoạn từ sự ưu phiền. Có hội hợp ắt phải có chia ly, đã có chỗ yêu thương thì tất phải dẫn đến sự sầu khổ. Lúc ấy người kia nghe được những lời dạy của Đức Phật, trong lòng bỗng nhiên hiểu rõ: Cuộc sống là vô thường, ba đời như là huyễn ảo. Vị ấy liền thọ giới với Đức Phật rồi cúi lạy ra về.

Kinh 16: Đức Phật Thuyết Giảng Về Quan Điểm Của Các Vị Tỳ-kheo.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa ở khu tòng lâm Việt kỳ âm thanh cùng với các vị Tỳ-kheo tôn túc. Tất cả những bậc Thánh hiền ấy đều đạt các thần thông, tuổi đã cao, đó là: Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả Đại Mục-liên, Hiền giả Ca-diếp, Hiền giả Ly Việt, Hiền giả Bân-nậu- văn-đà-phất, Hiền giả Tu-bồ-đề, Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả Ưu-ba-ly, Hiền giả Ly Cấu, Hiền giả Danh Văn, Hiền giả Ngưu Thi, Hiền giả La-vân, Hiền giả A-nan, đại thể có các Hiền giả như thế cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm người. Lúc bấy giờ, Hiền giả Mục-kiền-liên và các vị đệ tử lớn của Phật thấy trời gần sáng nên từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất. Khi ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất từ xa trông thấy các vị đồng môn của mình kéo nhau đến đây, liền tới chỗ Hiền giả Ly Việt, nói: –Này Ly Việt, hãy ra xem Đại Thánh chúng đang cùng đi đến, có Mục-kiền-liên và nhiều vị nữa! Hiền giả Ly Việt cùng lúc đó đi tới chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất, tay cầm cái quạt, tự

nghĩ: “Đông đảo chư vị cùng tới chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất để làm gì? Hôm nay có lẽ nhân việc Hiền giả Xá-lợi-phất cùng các vị Đại đệ tử được nghe Đức Phật thuyết giảng đạo

pháp, đồng lòng muốn gặp nhau trong một lúc.” Khi Hiền giả Xá-lợi-phất gặp gỡ các vị đại đệ tử của Đức Phật, liền bước tới thăm hỏi, mừng Hiền giả A-nan và nói: –A-nan này! Hiền giả đến đây thật tốt quá! Hiền giả đã dốc lòng cung kính, làm thị giả Đức Phật, gần gũi Đức Thế Tôn, được nghe Ngài nêu giảng rõ về Thánh giáo, vậy xin hỏi Hiền giả A-nan những chỗ lòng tôi còn hoài nghi! Nơi tòng lâm Việt kỳ âm thanh ấy có an vui chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí, khung cảnh luôn khiến lòng người thích thú. Thế thì chư vị Tỳ-kheo ở trong tòng lâm đó phải thể hiện cái đức cao nhã ra sao? Hiền giả A-nan đáp: –Phải thường dùng thời gian thích hợp tu tập đầy đủ các hạnh, phân tích giáo nghĩa để thấu tỏ chỗ vi diệu, tịnh tu phạm hạnh, phát hiện được nhiều điều, thành tựu nhiều việc, đạt tới chỗ nghe biết rộng rãi, hiểu rõ được giáo pháp, tâm ý mở mang, vui trong chánh kiến, rồi vì bốn chúng mà giảng thuyết kinh điển, lời giảng nói giản dị nhưng phải nêu được các điều cốt yếu, cứu vớt các mối âu lo của chư vị tu tập nơi đồng vắng, hang sâu. Thưa Hiền giả Xá- lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở nơi tòng lâm Việt kỳ âm thanh là như thế! Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả Ly Việt: –Ý Hiền giả thế nào! Lời biện giải đầy trí tuệ của Hiền giả A-nan như tiếng rống của sư tử, nay xin hỏi Hiền giả Ly Việt, Hiền giả thấy đó, tòng lâm Âm thanh thật an lạc hết mực chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, tỏa hương thơm phức, không khí luôn êm dịu đem lại sự hứng thú cho lòng người, vậy các Tỳ-kheo ở trong tòng lâm ấy phải thể hiện đức cao nhã ra sao? Hiền giả Ly Việt trả lời: –Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có vị Tỳ-kheo sống ở chốn thanh vắng, yên ổn, vui riêng một nơi, luôn dứt hết những nhớ tưởng về gia đình, không còn ái dục, sống giữa mọi người mà không phóng túng, không ưa đùa cợt, thường thể hiện sự điềm tĩnh, an nhiên, tâm không rối loạn, chí tại hạnh không tịch. Các vị Tỳ-kheo ở tại tòng lâm Việt kỳ âm thanh nên biểu lộ cái đức cao nhã như thế đấy. Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả A-na-luật: –Theo ý của Hiền giả thì thế nào? Ở nơi tòng lâm Âm thanh là vô cùng an lạc chăng? Uy thần vòi vọi, cây cảnh hoa trái um tùm, sum suê, hương tỏa thơm lừng, không khí luôn êm dịu khiến lòng người hứng thú. Vậy thì các vị Tỳ-kheo ở nơi tòng lâm đó nên thể hiện cái đức cao nhã của mình như thế nào? Hiền giả A-na-luật đáp: –Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, theo ý tôi thì nếu như vị Tỳ-kheo chứng được Thiên nhãn, có được cái nhìn, nhận thức thấu suốt, thì đạo nhãn ấy phải thanh tịnh, thấy được cả cõi Trời, người, cũng như các quốc độ của chư Phật trong Tam thiên đại thiên thế giới không hề bị ngăn ngại. Ví như có người với đôi mắt sáng tỏ, lên chốn lầu gác cao, từ trên cao nhìn xuống dưới thấp, tất trông thấy rõ mọi nẻo đi lại, ra vào, lui tới cùng dân chúng sinh sống, dừng nghỉ nơi những khu dân cư của họ. Nói chung là Tỳ-kheo có được Thiên nhãn, nhận thức về ba cõi không hề bị trở ngại. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở tòng lâm Âm thanh nên thể hiện đức cao nhã đặc biệt như thế. Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Đại Ca-diếp:

–Theo ý của Hiền giả thì thế nào? Sống tại tòng lâm Việt kỳ âm thanh là vui thích lắm chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, nên các vị Tỳ-kheo ở trong tòng lâm ấy phải thể hiện cái đức cao nhã như thế nào? Hiền giả Đại Ca-diếp đáp: –Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có thầy Tỳ-kheo tự mình ở nơi chốn thanh vắng, tịch tĩnh và khuyên người khác sống

theo nếp sống như mình, tự tu theo Thánh hiền và khuyên người tu tập đúng theo nẻo ấy, tự mặc các y phục thô xấu và khuyên người cũng ăn mặc giản dị như thế, mong cầu và khuyên người cũng noi theo hạnh đó, tự thân mình ham chuộng sự tịch tĩnh, an nhiên và khuyên người cũng chuộng theo nẻo ấy, bản thân mình luôn tinh tấn và khuyên người cũng dốc tinh tấn, bản thân mình dốc chế ngự tâm vọng và khuyên người cũng dốc chế ngự như mình, bản thân mình thường được ý định và khuyên người cũng gắng tạo được ý định, bản thân mình chuyên cần tu tập và khuyên người cũng thực hành như mình, bản thân mình có được đầy đủ Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến và cũng dốc khuyên người đạt được như vậy, bản thân mình giáo hóa, khuyến khích chúng sinh lãnh hội được diệu nghĩa của chánh pháp. Giảng kinh, nói pháp để khai thị giáo hóa mọi người không biết nhàm chán thì cũng khuyên người cùng làm như mình. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các Tỳ-kheo ở tòng lâm Việt kỳ âm thanh nên thể hiện cái đức cao nhã như thế. Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: –Theo ý Hiền giả thì thế nào? Sống ở nơi tòng lâm Âm thanh thật là hết sức an lạc chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy các Tỳ-kheo ở nơi tòng lâm ấy phải thể hiện cái đức cao nhã ra sao? Hiền giả Mục-kiền-liên đáp: –Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có thầy Tỳ-kheo đạt được thần túc lớn lao, hiển bày uy lực vô lượng của bậc Thánh ung dung khắp chốn. Với thần túc như thế thì luôn tự tại theo ý, biến hóa, thị hiện thiên hình vạn trạng, từ một thân có thể biến đến nhiều vô kể thân rồi hợp lại làm một, đối với mọi thứ tường vách, núi chằm, khe hang đều vượt qua thông suốt, không hề bị trở ngại, vô không dấu, ra không vết, chui vào lòng đất rồi trở ra ví như người bước vào trong nước, đi trên nước mà không chìm, khác nào đi trên đất liền. Ngồi kiết già ở giữa hư không giống như chim bay. Thân phát ra ánh sáng rực rỡ như vầng lửa lớn. Từ trong thân có thể tuôn nước ra như suối chảy mà không hề bị thấm ướt, ví như mặt trời, mặt trăng, uy thần tỏa rạng chiếu khắp thiên hạ, từ dưới đất đưa tay lên là sờ bắt được mặt trời, mặt trăng, có thể biến hóa thân lớn đến trời Phạm thiên. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở nơi tòng lâm Việt kỳ âm thanh nên thể hiện cái đức cao nhã như thế. Bấy giờ, Hiền giả Mục-kiền-liên hỏi Hiền giả Xá-lợi-phất: –Còn ý Hiền giả thì thế nào? Sống tại tòng lâm Âm Thanh ấy là vô cùng an vui chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy các vị Tỳ-kheo ở tòng lâm đó nên thể hiện cái đức cao nhã như thế nào? Hiền giả Xá-lợi-phất đáp: –Giả sử có vị Tỳ-kheo luôn chế ngự tâm, đạt được tự tại chẳng còn bị thân sai khiến, tự ở nơi phòng mình thực hiện pháp Tam-muội, chánh thọ, chỉ trong khoảnh khắc tâm ý phát khởi, từ sáng sớm đến cả ngày, cả đêm, người nhập định luôn nhất tâm định ý từ nửa đêm về sáng, mọi hành động của mình được tự do, hiện bày đầy đủ sự tự tại, không hề bị ngăn ngại, cản trở. Ví như trong một gia đình Trưởng giả, đối với đứa con yêu quý luôn

được tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới mẻ, đẹp đẽ, những điều cần theo ý muốn đều đầy đủ như muốn mặc áo gì, muốn các thứ châu báu anh lạc, hương hoa, kỹ nhạc, không một thứ gì bị thiếu thốn. Từ sáng sớm, suốt cả ngày đến đêm, những điều mong muốn về phục sức, quần áo, giường chõng, đồ nằm ngồi..., tất cả đều được tự tại. Thưa Hiền giả

Mục-kiền-liên, người tu thiền định phải chế ngự vọng tâm, không buông theo ý tán loạn, từ sáng sớm, suốt cả ngày người nhập định luôn không để cho tâm ý bị tăm tối! Từ nửa đêm về sáng, các pháp thiền định Tam-muội sẽ theo ý muốn của người tu định, theo chỗ quán tưởng của họ đều được tự tại. Vị Tỳ-kheo ở tòng lâm Âm thanh thể hiện cái đức cao nhã như vậy. Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất nói với Hiền giả Mục-kiền-liên: –Hiền giả đã nói rồi, chúng ta mỗi người đều đã trình bày hết quan điểm của mình, tùy theo biện tài của từng vị, thảy đều đã nói lên hết mọi ý tưởng của mình, vậy chúng ta cùng nhau đến thẳng chỗ Đức Phật đại thánh để trình bày sự việc này, nếu như Đức Phật có dạy bảo điều gì thì chúng ta sẽ theo đấy mà thực hành. Hiền giả Mục-kiền-liên nói: –Vâng, xin theo ý kiến của Hiền giả. Rồi thì các vị cùng đến chỗ Đức Phật và Hiền giả Xá-lợi-phất bạch với Đức Thế Tôn: –Chúng con mỗi người đều đã nói lên những hiểu biết của mình, nay xin trình bày lại với Đức Thế Tôn để có thêm những lý giải gì chăng. Đức Thế Tôn nói với Hiền giả Xá-lợi-phất về trường hợp của Hiền giả A-nan: –Lành thay! Lành thay những điều Hiền giả A-nan đã nêu bày! Vì sao như vậy? Là vì các Tỳ-kheo luôn phải rộng nghe, ghi nhớ, giữ gìn chớ để quên! Nếu có thuyết pháp, lời giảng nói trước sau luôn như nhau, đều nói về điều tốt đẹp, nhận rõ được đầy đủ ý nghĩa của giáo pháp, đạt tới chỗ vi diệu, tịnh tu phạm hạnh, để có thể phân biệt được hình tướng của pháp như thế. Nghe rộng, hiểu nhiều, luôn được tự tại trong mọi nhận thức, tâm thanh tịnh, các căn được hàng phục, nhờ đấy mà có được sự thông tỏ, tất vì bốn chúng mà thuyết giảng kinh điển, nêu lên những điểm cốt yếu, làm cho mỗi người đều lãnh hội một cách thấu đạt. Đức Thế Tôn nói về trường hợp của Tôn giả Ly Việt: –Hay thay! Hay thay những điều của Hiền giả Ly Việt đã nêu lên! Tại sao như vậy? Là vì nếu như vị Tỳ-kheo sống ở nơi thanh vắng, hành động sẽ được tịch tĩnh, an nhiên, tâm luôn được thanh tịnh, từ đó phân biệt rõ được diệu lý không, vô. Đức Phật nói về trường hợp Hiền giả A-na-luật: –Hay thay! Hay thay những điều Hiền giả A-na-luật trình bày! Tại sao như vậy? Là vì hiện nay Thiên nhãn của ông đã có thể nhìn thấy tất cả cõi Phật trong Tam thiên đại thiên thế giới, như ở trên lầu cao nhìn thấy rõ mọi người bên dưới. Đức Phật nói về trường hợp của Tôn giả Ca-chiên-diên: –Này Ca-chiên-diên, hay thay những điều trình bày của ông! Tại sao như thế? Là vì những kiến giải của ông về Tứ diệu đế là hoàn toàn thích hợp, không chút hồ nghi. Đức Phật nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: –Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Tu-bồ-đề, ông đã có thể giải bày về pháp Không và lấy diệu nghĩa của pháp Không làm căn bản. Đức Phật nói với Hiền giả Ngưu Thi: –Này Ngưu Thi, hay thay! Hay thay những điều ông đã trình bày! Tại sao như vậy? Là vì những kiến giải rõ về việc sợ chán cái khổ của sinh tử để vui với Niết-bàn giải thoát. Đức Phật nói với Hiền giả Bân-nậu: –Lành thay! Lành thay! Ông đã phân biệt được diệu nghĩa của kinh điển, diễn nói giáo

pháp của Phật. Đức Phật nói với Hiền giả Ưu-ba-ly: –Hay thay! Hay thay! Ông Ưu Ba Ly, ông đã phân biệt được về tội, phước, để từ đấy quyết vâng giữ tu tập theo giới luật. Đức Phật nói với Hiền giả Ly Cấu: –Hay thay! Hay thay! Ông Ly Cấu, ông đã dứt trừ được mọi tội lỗi từ ba độc, chứng được ba cửa giải thoát. Đức Phật nói với Hiền giả Danh Văn: –Hay thay! Hay thay! Ông Danh Văn, ông đã chuyên tu các đức lành, từ đấy hóa độ mọi người. Đức Phật nói với Hiền giả La-vân: –Hay thay! Hay thay! Ông La-vân, ông

đã dốc gìn giữ giới cấm, không hề có chỗ sai phạm. Đức Phật nói với Hiền giả Đại Ca-diếp: –Hay thay! Hay thay! Hiền giả Ca-diếp, ông vui sống nơi chốn thanh vắng, cùng khuyên người khác cũng sống theo hạnh ấy. Lấy mười hai sự việc để thường tự tu thân, rồi cũng khuyên người ta tu tập theo con đường đó. Đức Phật nói với Hiền giả Mục-kiền-liên: –Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Mục-kiền-liên, ông đã đạt được vô lượng thần túc lớn lao, luôn được tự tại, có thể hóa một thành vạn, hóa vạn thành một, có thể sờ chạm đến mặt trời, mặt trăng, thân biến to cao đến cõi trời Phạm thiên. Đức Phật nói với Hiền giả Xá-lợi-phất: –Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Xá-lợi-phất, sáng sớm, ban ngày, buổi tối người đều chuyên thiền định, nửa đêm về sáng đạt được Tam-muội chánh định, thường được tự tại, như con ông Trưởng giả tắm gội sạch sẽ xong mặc áo quần đẹp, trang sức các thứ châu báu, anh lạc... ngày đêm ba thời, muốn gì thảy đều được nấy. Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo: –Các vị mỗi người đã nói lên cái nhận thức hiểu biết của mình, thảy đều rất thuận hợp với đạo pháp, không có chỗ nào sai trái. Bấy giờ thì các vị hãy lắng nghe lời nói của Ta. Thế nào, các vị Tỳ-kheo, ở nơi tòng lâm Âm thanh rất là an lạc chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy tại Tòng Lâm ấy các vị Tỳ-kheo phải luôn thể hiện cái đức cao nhã. Từ nơi đó, sáng sớm, các vị Tỳ-kheo mang y bát đi vào làng xóm. Nếu ở tại nước khác, ngụ bên gốc cây thì sáng sớm cũng mặc y mang bát vào những thôn ấp của nước đó. Nếu vào nơi các làng xóm, thì phải luôn luôn thu nhiếp giữ gìn các căn, sau khi khất thực rồi, ăn cơm xong, thì xếp cất y bát, rửa chân tay, ngồi xếp bằng một mình ở nơi yên tịnh, thân hình phải ngay ngắn, tâm an định quán tưởng: trong đời, tất cả đều vô thường. Lòng tự suy nghĩ: “Như thân ta đây, các lậu hoặc được đoạn trừ hết, tâm ý thông mở thì mới rời khỏi chỗ ngồi này, còn nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ hết thì quyết không rời khỏi chỗ ấy. Ở tòng lâm Âm thanh, các vị Tỳ-kheo phải làm được như thế thì mới thể hiện đầy đủ cái đức cao nhã đặc biệt của mình. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ: Pháp vi diệu giữ gìn biết rộng Phân nghĩa kinh giải rõ phép mầu Vì nhiều người thuyết giảng nghĩa sâu Có chí nhàn cư vui độc tọa.

Trong tự tu thân, ngoài khuyến hóa
Ngăn chấp trước, thân vui đạo thiền
Tu theo lời dạy của Thế Tôn
Ngồi bên gốc cây nơi yên tĩnh.
Lòng không tham đắm, mắt thanh tịnh
Dứt bốn trăm tư bệnh của thân
Nhìn thấy ngần ấy loài chúng sinh
Sống yên bên cây, đức như thế.
Giống như sư tử sống trên núi
Nương cảnh tịch tĩnh một mình thôi
Biết đủ, giải thoát, dạy tùy loài
Sống nơi yên tĩnh, đức như thế.
Như ở trên trời, cung Phạm thiên

Hoặc Kiền-đạp-hòa và thế gian
Làm cho tất cả không ngại ngăn
Sống yên bên cây, đức như thế.
Đem trí tuệ mầu cứu thế nhân
Lòng được tự tại, định các căn
Bỏ hết các ác, biết đủ thân
Sống yên bên cây, đức như thế.
Các vị thượng nhân thuyết vi diệu
Mỗi người giảng pháp theo sở tri
Hay thay, diễn giảng đúng không sai
Đến gặp Thế Tôn xin tôn ý.
Bậc Thiên Trung Thiên không ngăn, bỏ
Âm thanh như Phạm âm, tôn quý
Các thần thông ấy bình đẳng hơn
Tôn sư kịp thời mở cửa tuệ.
Thế Tôn nói rằng: “Trừ mây tối”
Nhân hưng chánh giáo, nghe lời Ta
Những việc các thầy nên hành hóa
Sống yên bên cây, bày đức nhã.
Chuộng pháp nhiệm mầu, ưa ít dục
Tâm hành phân biệt phải cao siêu
Mặc áo, mang bình đủ uy nghi
Đi như chim lượn giữa hư không.
Như pháp diệu này ai tu chứng
Thánh dứt ganh ghét, không mưu hại
Trừ sạch cấu uế, đạt tịch nhiên
Sống yên bên cây, đức như vậy.
Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị đệ tử, các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la nghe kinh thảy đều hoan hỷ.

Kinh 17: Đức Phật Thuyết Giảng Về Tôn Giả Ca-chiên-diên Nói Về Vô Thường.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại nước A-hòa-đề. Lúc bấy giờ, Hiền giả Ca-chiên-diên nói với các vị Tỳ-kheo: –Này các vị Hiền giả, hãy lắng nghe: Tất cả cái gì có hội hợp đều phải có chia lìa, hễ có khỏe mạnh thì phải có bệnh tật, đã trẻ thì phải già, dù có sống lâu rồi cũng phải chết. Như giọt sương buổi sáng trên cành hoa, mặt trời lên phải tan, thế gian quả là vô thường. Cũng lại như vậy, tuổi trẻ cường tráng nhưng không thể tồn tại mãi được, giống như mặt trời mọc lên soi sáng khắp thiên hạ, nhưng rồi chẳng bao lâu lại lặn mất. Này các Hiền giả, đời sống là như vậy, có hội hợp thì có biệt ly, người có sinh thì phải có chết, hưng thịnh ắt suy bại, tất cả vạn vật đều vô

thường, hư hoại và trở về mất hết, như trái cây đã chín, đành phải chịu cái buồn rụng rơi. Vạn vật là vô thường. Cũng lại như vậy, có hội hợp phải có chia ly, có hưng ắt có suy, giống như người thợ gốm làm các đồ sành, sứ, làm ra các đồ dùng rồi thì hư vỡ. Này các Hiền giả, như vậy đó, có hội hợp phải có chia ly, có hưng ắt có suy, có sinh ra ắt phải có chết đi. Ân ái, biệt ly, những điều mong cầu, ái mộ không bao giờ được như ý. Khi có điều xấu ác, quái lạ ứng hiện thì bệnh tật phát sinh, các căn lâm nguy, thân thể bị bệnh thì thân mạng đã gần kề cái chết, xương thịt rã rời, mất hết mọi an ổn. Bị bệnh nặng khốn thì luôn bực dọc không nói được, cơ thể đau đớn cùng cực, uống nước không trôi, thuốc thang hết hiệu nghiệm, bùa chú hết linh ứng, tất cả mọi biện pháp giải trừ đều vô hiệu, thầy thuốc bó tay phải chạy, cuối cùng phải mạng vong. Tánh mạng đến hồi đau đớn nguy kịch thì có những chuyển biến. Khi mạng sống sắp hết thì có sáu nỗi thống khổ, chịu bao độc hại đau đớn hành hạ, các thứ khổ hoạn đều tụ về nơi thân, mình không muốn mà tự nhiên chúng cứ ào tới. Rồi lấy hơi lên, hoặc tắt không thông, chỉ có hơi ra mà không có hơi vào, rồi thở ra hít vào cũng dứt luôn, các kinh mạch đều dừng. Hoặc ốm đau gầy mòn, hết dáng vẻ sống, nằm ngồi phải nhờ người đỡ vịn, người cũng thường cho ăn uống, thuốc men, nhưng cháo gạo chỉ ngậm đấy không tiêu hóa được rất là khổ sở, muốn vói lên hư không, vả mồ hôi trắng, hét lên thất thanh, xuất ra các chất dơ bẩn, thân lại nằm lên trên, rồi chết. Khi hồn đi hết, người ta mang xác ra bỏ ngoài bãi tha ma, hoặc đem hỏa táng, thân thể thối rữa, không còn biết gì, chim chóc bay đến mổ rỉa, xương cốt đầu mình tay chân vương vãi ra đấy, gân nối đứt lìa tiêu ra tro đất, tất cả đều là vô thường. Đang lúc này đây, thân hình hiện ở đâu? Đầu, mình, tay, chân rơi vãi chốn nào? Lúc mới chết, đem ra nghĩa trang, cha mẹ, anh em, vợ con đều đi theo thương tiếc, thân bằng quyến thuộc cũng lại như vậy, thảy đấm ngực khóc lóc, ưu sầu, thương tiếc lắm thay! Khi thi thể đã chôn rồi, ai về nhà nấy, không ai có thể cứu được, chỉ riêng thân mình chịu cảnh bị chôn bỏ dưới đất, như sành, như đá, không nghe được sắc, thanh, hương, vị, cảm giác êm dịu cùng năm dục cũng chẳng biết gì. Do đã rõ thân là vô thường, nên phải phụng dưỡng cha mẹ, cung kính Sa-môn và các Đạo sĩ, bố thí, trì giới, chay tịnh, luôn nghiêm túc giữ giới cấm dốc tu tập. Đi lại, đưa đón đều cúi đầu, chắp tay làm lễ quy ngưỡng. Này các vị Hiền giả, phải nên xem xét, quan sát thật kỹ vấn đề này, phải luôn tâm niệm về vô thường, khổ, không và vô ngã. Lúc ấy, Hiền giả Ca-chiên-diên đọc bài kệ: Đã thấy như thế thật đáng sợ Cầu đặng thân người có dễ đâu Phải tinh tấn cứu lửa cháy đầu Đoạn trừ khổ lụy nên an tịnh. Chư Phật ngày xưa thường tinh tấn Dứt mọi tôi - ta và phóng dật

Gặp phải được - mất khổ rất nhiều
Sinh tử, địa ngục, khổ càng dữ.
Lòng nơi ái dục, không làm ác
Hàng phục các căn nên nêu bày
Không được vọng tưởng, nghĩ không hay
Đến được tịch nhiên, phá được giặc.
Không được nghĩ rằng: của ta thật
Quả không của ta, không ta tất

Không được ỷ thế, không trọng người
Nhiếp phục thân tâm trước sự đời.
Thường phải biết thân và xấu hổ
Coi thường thân mạng không tham chấp
Không nên chìm đắm trong nẻo ác
Cẩn thận chớ làm, gặp khổ thêm.
Cảnh giới Diêm-la lại đừng đến
Với cha mẹ phải thường hiếu thuận
Tích công đức dành để kiếp sau
Phải nên sớm theo đường Hiền thánh.
Chớ nên cầu an mà phạm ác
Không theo tà giáo, hành độc dữ
Xem đó nên thường bố thí thêm
Bỏ hết ái dục và lỗi lầm.
Sau đấy mới mong nơi cha mẹ
Vợ con, quyến thuộc và bằng hữu
Theo lời Phật dạy, chẳng trái sai
Làm điều giá trị cho tương lai.
Giả sử có bệnh cầu cha mẹ
Vợ con, quyến thuộc và bằng hữu
Nhờ họ cứu giúp không thể được
Công đức, trí tuệ do ta tạo.
Hiền giả Ca-chiên-diên đã vì các vị Tỳ-kheo mà thuyết giảng như thế, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ nhận lấy những điều chỉ dạy.

Kinh 18: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Hỏi Đáp Cho Trưởng Giả Hòa Lợi.

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Na-nan, ở trong rừng Ba-hòa-nại cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị. Bấy giờ, Trưởng giả Hòa Lợi đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Phật bảo vị Trưởng giả: –Ta muốn hỏi ông, giả sử có bọn ma và quyến thuộc của chúng cùng vô số người ngoại đạo đến đây chất vấn ông và ông phải đáp lại. Vậy ông hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ. Vị Trưởng giả thưa:

–Thưa vâng, Thế Tôn, con nguyện vui lòng lắng nghe.
Liền đó, Trưởng giả và đại chúng vâng theo lời dạy và cùng nghe. Đức Phật bảo vị Trưởng giả:
–Sao gọi là đầu mối lớn lao?
Vị Trưởng giả đáp:
–Thưa Thế Tôn, đầu mối lớn lao có bốn thứ. Một là địa đại, hai là thủy đại, ba là hỏa đại, bốn là phong đại. Đó là bốn đầu mối lớn của sự vật.

Đức Phật nói:

–Sao gọi là địa đại?

Thưa:

–Gọi thế vì có năm đặc điểm: Đứng vững, rắn chắc, không mềm, thô cứng, có thể qua lại được.

Đức Phật nói:

–Hay thay! Hay thay! Này Trưởng giả, ông có nhận xét rõ về các đặc điểm của địa đại đều vĩnh viễn không hiện ra chăng?

Trưởng giả đáp:

–Thưa Thế Tôn, thân con có thể biết về địa đại, nhưng khi diệt mất thì không thể biết được.

Đức Phật nói:

–Hay lắm!

Lại hỏi:

–Sao gọi là thủy đại?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, thủy đại có năm đặc điểm: Thấm ướt, lưu thông, mềm mại, vụn nhỏ, không có hình dáng, cũng như cái lưới rộng lớn trùm khắp đến các gạch nối.

Đức Phật nói:

–Này Trưởng giả, hay lắm, hay lắm! Thế ông có thể biết thủy đại khi diệt mất thì không biết về đâu chăng?

Thưa:

–Bạch Thế Tôn, đã biết tất cả đều quy về vô thường thì vĩnh viễn không thật.

Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

–Sao gọi là hỏa đại?

Trưởng giả thưa:

–Nó là thứ ấm áp, có thể làm cho con người nóng lên, tạo sự tiêu hóa, có thể thiêu đốt, thuộc loại chiếu sáng.

Đức Phật nói:

–Này Trưởng giả, hay lắm! Vậy ông có thể biết hỏa đại diệt hết thì lại không còn hiện ra chăng?

Thưa:

–Con có thể biết cái gì vô thường, quy về diệt tận thì không còn hiện ra.

Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

–Sao gọi là phong đại?

Trưởng giả thưa:

–Phong đại có năm đặc điểm: Nó là thứ lạnh lẽo, nhẹ nhàng, nhanh nhạy, có chỗ thổi thông, ra vào thuận lợi tạo ra tiếng vang.

Đức Phật nói:

–Hay lắm! Hay lắm! Vậy ông có thể biết phong đại đột nhiên biến mất lại không hiện ra chăng?

Đáp:

–Thưa Thế Tôn, có thể biết được phong đại tự nhiên mất hết.

Đức Phật nói:

–Hay thay! Hay thay! Này Trưởng giả.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

–Há chẳng nhìn thấy âm thanh tịch tĩnh của các đại kia chăng?

Đáp:

–Thưa vâng, đã biết âm thanh của các đại kia bình đẳng như đã gọi, đó là bốn đầu mối lớn lao.

Đức Phật hỏi:

–Bốn đại làm sao tồn tại?

Đáp:

–Dựa vào tham dục, ăn uống, ân ái mà tồn tại.

Lại hỏi:

–Bốn đại kia nương dựa như thế nào?

Thưa:

–Chúng lần lượt nương dựa vào nhau.

Lại hỏi:

–Cái nhắm hướng đến của bốn đại là gì?

Thưa:

–Cái nhắm đến là sắc và các nhập.

Lại hỏi:

–Chỗ quy về của các nhập là gì?

Thưa:

–Chỗ quy về của các nhập là phiền não, tội lỗi.

Lại hỏi:

–Phiền não, tội lỗi do cái gì?

Thưa:

–Bạch Thế Tôn, do thức và thân, mỗi mỗi tự chia khác, tự ly tán.

Lại hỏi:

–Khi mạng hết, thân hoại thì hướng tới chỗ nào?

Thưa:

–Há có chỗ để hướng đến! Thân không tâm ý, thân và thức mỗi mỗi riêng biệt.

Lại hỏi:

–Này Trưởng giả, tiếp tục lấy cái thức cũ để về với chỗ nhằm hướng đến, hay lại có cái thức khác chăng?

Thưa:

–Bạch Thế Tôn, không mang theo thức cũ để về với chỗ nhằm hướng đến nhưng không lìa thức cũ, cũng không có thức khác.

Lại hỏi:

–Này Trưởng giả, làm thế nào nhận biết được các pháp?

Thưa:

–Thí dụ như, thưa Đức Thế Tôn, mắt nhận thức đều khác thường, tai cũng nhận biết điều khác lạ không cùng hợp với nhau. Như vậy thưa Thế Tôn, cứ như thế mà chìm đắm trong sinh tử mọi sở kiến như vậy là không hề chán, lấy đó mà duy trì thân mạng. Đức Phật nói: –Này Trưởng giả, hay thay, hay thay! Nay ông đã đáp được tất cả những điều Ta nêu hỏi, vậy xét rõ chúng là thật, không hư hay là không thật? Thưa: –Không thật. Tại sao như vậy? Là vì Đại Thánh đã dạy ở trong thế gian ngã và ngã sở đều không thật, lòng ham muốn và các pháp đều hư. Con nghĩ, thưa Thế Tôn, các sự việc thế tục ấy đều do hư vọng mà có, chưa từng có các pháp thật. Đức Phật nói: –Hay thay! Hay thay! Này ông Trưởng giả, giả sử có ai nói: Việc đời đều là hư vọng, thì đấy là điều chưa từng có, là chư Phật nói. Tại sao như vậy? Bởi vì mọi sự việc ở đời đều là hư vọng, không có một cái gì là thật, ở thế gian này, những kiến giải như thế đều là chưa từng có. Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, Trưởng giả Hòa Lợi đã nhận lãnh lời dạy và hoan hỷ ra về.

Kinh 19: Đức Phật Nói Kinh Phật Tâm Tổng Trì.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa tại nước Nậu-đàn-nậu, chỗ bến nước gần bờ biển lớn, Đức Phật ngồi nơi tòa sư tử ở rừng cây, cùng với vô số chư Thiên và quyến thuộc của họ vây quanh, để vì họ thuyết giảng đạo pháp. Bấy giờ, Đức Phật nói với Thiên tử An Tường Ma-di-hoàn và Tịnh Cư Thân: –Này các vị Thiên tử, các vị nên biết có một pháp gọi là “Phật Tâm Tổng Trì”, trong thời quá khứ, vì bốn bộ chúng, Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã thuyết giảng. Mãi đến đời sau này, pháp ấy đã cứu giúp, thu nhiếp ủng hộ tất cả chúng sinh khiến họ tìm về chánh pháp, thu hoạch được những lợi ích thù thắng đặc biệt. Ta sinh đến đời này, nhằm giúp đỡ tất cả, vì các vị Bồ-tát cầu học Đại thừa, đã chịu ân của pháp ấy, khiến đến được khắp cả, tất cả việc làm của họ đều siêu việt khác thường, do đó, Ta nói ra pháp này. Này các Hiền giả, các vị cũng phải thọ lãnh, giữ gìn đọc tụng. Sau khi Ta diệt độ rồi, mãi về đời sau này, bốn bộ chúng, những người cầu học Đại thừa, nghe danh hiệu chư Phật, phải phân biệt thuyết giảng, vì người khác thuyết giảng, tâm luôn nhẫn nhục thì tâm được tự tại. Nghe được tiếng đã là khó, nêu bày được danh hiệu của chư Phật thì phải có đức tánh siêu việt hơn người. Những điều giảng thuyết của Như Lai mà dốc thu nhiếp, giữ gìn là đã đạt được cái nguyện tối thượng và mọi sở kiến đều được tự tại. Nếu có ai muốn nghe pháp “Phật Tâm Tổng Trì” thì phải vì họ mà thuyết giảng. Toàn hội chúng cùng đáp: –Thưa vâng, Thế Tôn! Chúng con xin thọ lãnh chánh giáo, như Đức Phật đã nói, trọn đời chẳng dám sai trái, khiến cho lời dạy của Đức Như Lai được truyền đi khắp nơi một cách đầy đủ. Chúng hội lại hỏi: –Thưa Thế Tôn, sao gọi là pháp Phật tâm tổng trì? Đức Thế Tôn đáp: –Ta nay lần lượt nêu giảng: Pháp đó là sạch mọi cấu nhiễm, lìa cấu uế để tạo được tất

cả diệu nghĩa, thảy đều đạt được, chỗ tạo tác công đức của nó là không có bờ bến, ba đời đều bình đẳng, thông suốt tất cả mười phương, gồm đầy đủ các tuệ, thị hiện tất cả các nơi chốn cất chứa, các pháp tự tại, đầy đủ tất cả mọi sự thành tựu, các nẻo hành hóa đều thông đạt, thấu tỏ khắp hết, bỏ tất cả kiến chấp ở trong ba cõi cho đến khắp mười phương đều an nhiên tịch tĩnh, đạt được các cửa giải thoát, nhận rõ pháp giới, cứu cánh cũng như mọi nương tựa vướng mắc, đều khiến nghĩ đến tất cả các việc đã làm, là nhằm vượt qua cái tâm còn lại, đạt được giải thoát rồi, trừ bỏ hết mọi trói buộc, chuyển chánh pháp khắp trong hư không, bản tánh thanh tịnh, không hề cấu nhiễm, hóa độ ba cõi, bình đẳng cả ba đời: quá khứ, hiện tại và tương lai, đoạn trừ một cách rốt ráo, lìa mọi sở hữu, chứng đạt đạo quả bậc nhất, chỗ hành động như lời nói, mọi việc làm đều thành tựu, đem tất cả lòng đại từ, đại bi đến với tất cả mọi người, không người nào mà không hóa độ. Đức Phật bảo: –Này các vị Thiên tử, đó là pháp Phật Tâm Tổng Trì. Vì bốn chúng mà thuyết giảng, cầu đạt Bồ-tát thừa, ai dốc lòng đọc tụng, thân tâm luôn nhớ nghĩ đến, hiểu biết rõ ràng, chắc chắn, người thọ trì kinh này, luôn tưởng nghĩ, thì giống như Đức Như Lai ngự tại đỉnh đầu, nghĩ tới là được thấy những gì có thể thấy. Như có người được nghe thì có thể thuyết giảng kinh pháp. Hoặc có người thọ trì chưa từng bị quên, học đến rốt ráo, sẽ được an trụ

nơi đạo pháp, an nhiên tịch tĩnh mà thuyết giảng kinh. Vì vậy mà giảng kinh những điều cần được thọ trì đang được thọ trì, chưa từng nghi ngại. Do đấy, đối với pháp Tổng trì, về những điều được nghe thấy, đều có thể nhẫn nhục, nhờ vậy mà chỗ đạt được rộng lớn như biển. Đạt được pháp Nhẫn bất khởi, thì đối với tất cả các pháp luôn được tự tại, không hề bị ngăn trở, dẫn đến cửa giải thoát đầy đủ như ý. Với pháp hiện tại, đối với giáo pháp của Ta, các vị phải chịu trách nhiệm lớn, phải bỏ hết các gánh nặng khác đi. Các vị Tộc tánh tử ấy đã thấy được Phật, như thấy tất cả, phải nghe theo mà thọ trì. Quán tưởng theo pháp đó, chớ nên chấp vướng vào hình tướng, lại càng không nên hủy hoại và khinh dể! Thiên tử Ma-di-hoàn bạch với Đức Phật: –Thưa vâng! Chúng con xin vâng lời dạy, chẳng dám sai trái, phải tuyên giảng truyền bá lời dạy của Đức Như Lai đến cùng khắp, rồi với đời sau, lấy kinh pháp này, vì bốn chúng mà thuyết giảng, còn đối với các vị cầu Bồ-tát thừa thì cũng phải dốc sức phân biệt nhận rõ. Như có người đọc tụng được, còn đối với những người quên thì phải vì họ mà chỉ rõ: “Này các vị Tộc tánh tử, các vị phải nhận biết và lãnh hội pháp này, cùng khiến cho mọi người cũng được lãnh hội để giữ gìn những lời giảng dạy của Đức Như Lai. Chúng ta cũng phải cùng nhau nhận lãnh, thọ trì lời dạy ấy của Đức Như Lai.” Những vị Tộc tánh tử như thế là đã hoàn thành được nghĩa lớn. Đức Phật bảo Thiên tử Ma-di-hoàn: –Ông phải hết lòng phụng hành như nay đã nêu vì đó chính là giáo pháp của Phật. Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, Thiên tử Ma-di-hoàn, chư Thiên cõi trời Tịnh cư, tất cả các vị trong chúng hội, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Người, A-tu-la nghe kinh thảy đều hoan hỷ. Đức Phật nói kệ: Oan gia, giống tri thức Giả dạng kết bạn thân Các vua làm nhiều việc Ngài là chủ đất đai. Nước kia nhiều quan lớn Thường sinh chuyện tranh giành Thường vì nhìn nhau xấu Do đó nói chú này: “Đà cơ lị ni – Đà bảo lị ni – Sư Tỳ-kheo – Quy la đà – Đọa kệ đà – Sa du đầu đà âu – A di tỳ đâu ba – Muội đán xí na chiên – Quỵ ly na ba la – Sí đề ni đà bàn ni – Ni phi tán ni – Ma ha man na nâu đà lị na”. Câu thần chú kia chỉ bấy

nhiêu, nhưng đối với ta không hề hao tốn của cải, mà thảy đạt được mọi thành tựu. Như trong quá khứ, để có được câu thần chú ấy, phải dùng tay trao nhận, nặng nơi tay chân thì đầu gối được nâng đỡ, nặng ở xương đầu gối thì thường thấy nặng đều khắp, làm cho hông thấy nặng thì khiến cho phần dưới thân thể thấy nặng, ở cổ thấy nặng thì khiến cho con tim thấy nặng. Làm cho bốn bộ chúng đều thấy câu thần chú này là quan trọng thì tất cả đều được bình đẳng, nơi chốn theo đuổi đạt đến, cái vẻ bề ngoài sẽ theo gió tan đi. “Âu na đề nô – Âu na đề đà – Âu di đề hồ – Âu đề đồ thủ – Phi kiện đà – Sất xà, Sất giả. Chu đà xà dà – Bà sa đề – Ba sa đàn ni da ế ca di cừu di già la sí – Chu la linh ma ni – A đề đà.

Phù di tiện na y du la đầu – Na sí kỳ đế di – Tỷ xiển đế di – Tát phi na lâu – Di đàn nậu nam mô – Ma ca ni – A đế tỳ da.” Trì chú này thì sẽ được mọi sự an lành và luôn được các Phạm thiên khuyến khích, trợ giúp.

Kinh 20: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Thần Chú Bảo Vệ Các Tỳ-kheo.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Thế Tôn du hóa ở phía Đông thành Vương xá thuộc nước Ma-kiệt-đà, ở vùng rừng Nai, gần nơi gò tụ tập của các Phạm chí, từ đó đi lên phía Bắc, vào hang đá của Đế Thích trong núi Bi-đề. Bấy giờ, rất nhiều vị Tỳ-kheo mạnh ai nấy chạy vội vã, dáng hốt hoảng chẳng an, giống như đàn cá chạy tán loạn khi gặp người đánh cá chặn lưới vây bắt. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy cảnh tượng ấy, nên hỏi: –Này các thầy Tỳ-kheo, làm gì mà chạy tán loạn, lộn xộn như cá sợ lưới thế? Thầy Tỳ-kheo thưa: –Chúng con gặp hoạn nạn, chỗ ở chẳng yên, gặp nhiều thứ nào là giặc cướp, quỷ thần, La-sát, voi, rồng, quỷ đói, sư tử và nhiều loài yêu tinh quỷ mị, không phải người, gấu, dã nhân, đủ các thứ tà ma, bên ngòi nước đầy dẫy bọn quỷ, bọn dùng bùa chú độc hại. Đức Phật bảo thầy Tỳ-kheo: –Ta sẽ vì ông mà nói về pháp cứu giúp, hộ trì tất cả mọi người, ngươi hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ghi nhớ. Thầy Tỳ-kheo thưa: –Con xin lãnh thọ lời dạy của Đức Như Lai. Đức Phật bảo: –Những gì là pháp cứu giúp, hộ trì tất cả mọi người? Thần chú ấy như vầy: “A kha di – Ca la di – Hi lệ hi lệ – Bát bi a la bi – Ma khâu – Phi lại đâu – Ha đầu sa. Sí câu lê – Nhân đề lệ giả Tỳ-kheo phi âu ta lu di giả la – Nan lâu tại giả la. A kỳ phá kỳ – A la nhân a la da – Da vật già để bi di a bi.” Nếu không giải thoát được hoàn cảnh ấy thì Ta sẽ giúp để giải trừ vì những người đọc tụng mà ủng hộ, cứu giúp khiến họ được yên ổn, an lành, dứt trừ tai họa. Nếu gặp các đám đạo tặc, quỷ thần, La-sát, bọn dùng bùa chú độc hại, thì trong chu vi bốn trăm dặm, thần chú này sẽ khiến chúng không dám quấy nhiễu. Nếu ai không tỏ ra cung kính, thuận giữ mà còn xúc phạm thần chú này thì đầu sẽ bị vỡ làm bảy mảnh, vì sao như vậy? Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo: –Nay Ta xem khắp trên các cõi trời và thế gian, nếu được thần chú này chú nguyện và hộ trì thì trọn đời dứt hết mọi sợ hãi, không còn cảnh rợn tóc lạnh người, trừ phi kiếp trước không biết cung kính, quy y. Những ai dốc thọ trì thần chú của Thế Tôn thì các Phạm thiên tốt luôn khuyến khích, trợ giúp kẻ thọ chú này.

Kinh 21: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thần Chú Kiết Tường.

Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật du hóa ở thành Xá-vệ, nơi ấy có tên là Chuyển pháp luân, không gì có thể vượt hơn được. Đất ấy rộng lớn, bao quát, nếu có kẻ đến quấy nhiễu, Đức Phật đều thuyết phục. Nay đang lúc thuyết giảng, các bậc Đại nhân, Thánh hiền đều quy tụ về đó. Lúc ấy, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan: –Ta vì ông mà nói thần chú là vua của các thứ thần chú, ông phải hết lòng thọ trì vì đây là chú của các Đức Phật đã nói! Khi thực hành phải chí thành, thực hành theo đúng nẻo đạo pháp, thực hành theo mười hai nhân duyên, thực hành theo hàng tháng, hàng ngày, các vị Hiền giả đều thực hành, ngày tháng luôn thực hành. Vậy ông hãy lắng nghe và khéo ghi nhớ. Hiền giả A-nan thưa: –Con xin vâng theo lời dạy và lắng nghe. Thần chú như vầy: Hưu lâu – Ni lâu – A ca la – Bài la – Mạc ca đát la bạt đề – Ba la linh ba sô a ni tha – Da đề a ni – Da đề a đề tà đề át đế mạt đế lô – Lô la la bạt đề ma na la la ba di trá. Đây là pháp Tổng trì vô lượng, vua của các ấn chú mà chư Phật đã nói. Phải chí thành mà thực hành, phải đúng theo đường tu tập mà thực hành, theo dấu bình đẳng mà thực hành, phải ngày thực hành, tháng thực hành, ngày tháng đều thực hành, không hề gián đoạn. Đức Phật nói với Hiền giả A-nan: –Câu Tổng trì này là câu chú của Phật, là câu chú tôn quý hơn hết, là câu chú phải học, là câu chú của Thánh hiền, là câu chú đem lại diệu nghĩa lợi lạc, là câu chú luôn mang theo bên mình, là câu chú không hề bị trở ngại. Như các vị Tộc tánh tử, Tộc tánh nữ, nếu hội nhập được câu chú này là vào được trăm, ngàn cánh cửa giải thoát, có thể phân biệt để thuyết giảng. Đức Phật bảo Hiền giả A-nan: –Ở mé Nam núi Tuyết, có vị nữ thần lớn tên là Thiết-đà-lân-ca-ê (Nhiếp Thanh), có năm trăm người con và đám quyến thuộc, nghe được kinh này, liền cùng đứng lên kêu oán: "Than ôi, đau đớn lắm thay! Hỡi ôi! Sao mà dữ dội đến thế! Thân ta vốn lấy cái tinh chất của hàng trăm hàng ngàn người để ăn uống, hại mạng người để phục vụ mình, đến nay thì không làm gì được, không thể xâm phạm nữa! Sa-môn Cù-đàm vì bốn bộ chúng mà nêu bày, hộ trì. Vì sao? Là vì nếu các hàng thiện nam, tín nữ nhận được thần chú này thì những đồng nam, đồng nữ khi vào các quận, huyện, thôn, xóm trong nước, dốc trì tụng chú kiết tường này thì không có gì có thể nhiễu hại được. Vì sao như vậy? Là vì nay ông Sa-môn Cù-đàm nói thần chú ấy đã xua đuổi bọn phi nhân, diệt trừ các thứ hoạn nạn." Đại nữ thần ở đây mà thường xuất hiện ở cung ma, bọn ma xấu nói: "Thiên vương nên biết, Sa-môn Cù-đàm, đã lấy sạch cảnh giới của ông rồi. Nay các Thiên vương đều phải mặc áo giáp đồng, dẫn theo cả đám đông cùng binh lính giống như hồi Bồ-tát mới bắt đầu tham thiền bên gốc cây Bồ-đề." Bọn ma liền mặc áo giáp đồng, cùng đám binh lính đến thẳng chỗ Phật. Khi đó, Đức Thế Tôn nói với Hiền giả A-nan: –Đó là đại nữ thần Thiết-đà-lân-ca-ê ở tại phía Nam núi Tuyết, cùng với năm trăm người con đông đủ, từ xa nghe Đức Như Lai nói thần chú Tổng trì ấn chú này mà sợ hãi cuống lên, lông tóc dựng đứng, nên đã huy động tất cả đám quân ma lớn nhỏ cùng các thứ ma khác. Bấy giờ, bọn ma mặc áo giáp có lông cánh cùng đám quyến thuộc đến thẳng chỗ Đức

Thế Tôn, mang theo tâm ý ác độc đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Khi ấy, vị Bồ-tát tên là Hàng Khí Ma đã hàng phục được ma vương, ma quan và đám quyến thuộc, đến thẳng chỗ Đức Phật cung kính đảnh lễ bậc Đại thánh, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch Đức Thế

Tôn: –Con đã nhiếp phục, chế ngự được bọn ma và đám quyến thuộc của chúng, gom bọn Đại thần nữ Thiết-đà-lân-ca-ê lại để chế ngự, như thế là chúng chẳng còn dám làm điều sai trái, hoặc nhiễu hại các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, chẳng những không dám hại mà chúng không còn có chỗ để hại nữa. Lành thay! Thưa Đức Thế Tôn, nguyện xin Ngài nói pháp Ấn tổng trì cho bốn bộ chúng để họ đều được sự hộ trì khiến luôn được yên ổn. Xin Đức Phật tăng thêm từ bi làm cho thần chú này phổ cập đến dân chúng khiến cho họ cũng được muôn phần yên ổn. Lúc ấy, Đức Thế Tôn vì nhằm nói ra thần chú ấy, bỗng mỉm cười. Hiền giả A-nan hỏi Đức Phật: –Thưa Thế Tôn, vì cớ gì Ngài cười? Chắc phải có ý gì đấy thì Ngài mới cười? Đức Phật bảo Hiền giả A-nan: –Ông hãy xem kìa, Bồ-tát Hàng Khí Ma đạo hạnh hết sức thù thắng đặc biệt, đã hàng phục được ma quân, ma vương và đám quyến thuộc, trừ diệt hết tà thuật của Đại thần nữ Thiết-đà-lân-ca-ê, khiến bọn chúng luôn lo sợ nên bỗng nhiên biến mất, không hiện ra nữa. Đã đến lúc nói về Ấn tổng trì, bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ về Ấn tổng trì này là vua trong các pháp Tổng trì, có thể nhiếp phục tất cả các loại quỷ thần xấu ác cùng các thứ yêu mị, trừ dứt được tất cả mọi sự nhiễu hại. Câu chú Tổng trì ấn vương như sau: “Phục cưu, Phục cưu, Hưu phù hưu lâu a kì đề.” Đối với các nơi chốn có Quỷ thần, Thần nữ, Cưu hoàn long, Kim sí điểu và các loài thú hung dữ, các thứ yêu mị có ý tìm đến nơi đường đi để giết người, ăn tươi nuốt sống, thì với câu chú ấy có thể khiến chúng phải đi theo con đường sáng suốt, dốc cả tâm ý làm điều thiện, huống chi việc nhỏ nhặt thì không thể ẩn giấu được. Các đức lớn của phép Tổng trì ấy là không hề lựa chọn, phân biệt, không tối tăm mà cũng không có chỗ dứt bỏ. Trong lòng đọc tụng mười sự việc kia dẫn đến cái cười của Ta hôm nay. Đấy là việc phải làm, không hề có chọn lựa. Đức Phật bảo Hiền giả A-nan: –Thần chú này là câu chú không chọn lựa, câu chú Tổng trì, câu chú không có chỗ tuyển lựa, câu chú yên ổn, câu chú hộ trì, câu chú giúp mọi người không bị quấy nhiễu, câu chú không bị hại, câu chú cấm ngăn chế ngự, câu chú cho mọi người đọc tụng, câu chú làm cho bốn bộ chúng luôn được hộ trì giúp đỡ, Nhân và Phi nhân không thể xâm phạm được, cả những khi ra vào, ngủ nghỉ cũng không ai dám quấy nhiễu. Huống chi Đức Phật đã nói: Ai được nghe chú này cũng đều được an ổn. Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, mọi người đều hoan hỷ lãnh hội và lui ra.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.